TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-ST.
Ngày: 03/5/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông *Trần Nguyễn Trọng Hiếu*.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Trí Chấn

2/ Ông Nguyễn Duy An

- Thư ký phiên tòa: Ông *Đoàn Ngọc Sơn* – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*
   Ông Cao Văn T, sinh năm 1955. (Có mặt)
   Địa chỉ: số G, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
2. *Bị đơn:*
   Bà Đỗ Thị Kim Q, sinh năm 1985. (Vắng mặt)
   Địa chỉ: số B, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 30/6/2023, Bản tự khai, những lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Cao Văn T trình bày:

Vào ngày 02/3/2023 ông có cho bà Đỗ Thị Kim Q mượn số tiền 33.000.000đ để làm ăn, không tính lãi suất, thời hạn vay là nửa tháng. Đến nay, đã quá thời hạn trả tiền nhưng bà Q không trả.

Ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết buộc bà Q trả cho ông số tiền 33.000.000đ , không yêu cầu tính lãi suất chậm trả và cũng không có yêu cầu gì đối với chồng bà Q.

Chứng cứ của ông là Giấy vay nợ ngày 02/3/2023 có bà Q ký tên và bà Q có đưa cho ông G căn cước của bà Q.

Tại phiên tòa: ông T cho biết, bà Q có mở quán cà phê trên đường tỉnh 884 gần khu công nghiệp A, ông là khách hàng quen, thường xuyên ghé quán uống nước, mới biết bà Q. Bà Q muốn mượn tiền ông để đáo hạn ngân hàng, nên chỉ mượn thời gian là nửa tháng, nên ông cũng không có tính lãi gì. Sau đó, bà Q không vay được nên cũng không có trả tiền cho ông, mà bà Q cũng trả mặt bằng, không còn bán cà phê chỗ cũ nữa, ông có tới nhà tìm, nhưng không gặp và gọi điện cho bà Q nhưng không liên lạc được. Ông yêu cầu bà Q trả cho ông 33.000.000đ không yêu cầu tính lãi.

Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tuy nhiên bà Q vắng mặt nên không thể lấy lời khai của bà Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Cao Văn T đối với bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Q được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý, Hội đồng xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Kim Q là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung khởi kiện*: Nguyên đơn ông Cao Văn T yêu cầu bà Đỗ Thị Kim Q trả số tiền vốn vay là 33.000.000đ. Nhận thấy, Căn cứ Giấy vay nợ ngày 02/3/2023 có chữ ký của bà Q và việc bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q đã nhận giấy triệu tập của Tòa án nhưng vẫn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: "*2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn T đối với bà Đỗ Thị Kim Q về việc đòi số tiền vốn vay 33.000.000đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Nguyên đơn không có yêu cầu tính lãi suất số tiền trên nên không xét đến.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Đỗ Thị Kim Q phải chịu là 33.000.000đ x 5% = 1.650.000đ.

Ông Cao Văn T là người cao tuổi được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn T đối với bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

2/ Buộc bà Đỗ Thị Kim Q có trách nhiệm trả cho ông Cao Văn T số tiền vay là 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Đỗ Thị Kim Q phải chịu là 1.650.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)

Ông Cao Văn T được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông T được quyền kháng cáo trọng hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu